

Bản án số: 122/2019/HS-PT

Ngày: 5-8-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Huỳnh Đức;

- *Thẩm phán thành viên:* Ông Bùi Ngọc Thạch;

Bà Nguyễn Thị Sang.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Lê Thị Thùy - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:*** Bà Ngô Thị Thùy - Kiểm sát viên.

Ngày 5 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương mở phiên tòa xét xử vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 123/2019/TLPT-HS ngày 24/6/2019 đối với bị cáo Phạm Đăng Dạ T. Do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 132/2019/HS-ST ngày 16 tháng 5 năm 2019 của Tòa án nhân dân thị xã D, tỉnh Bình Dương.

Bị cáo có kháng cáo:

Phạm Đăng Dạ T, sinh năm 1990, tại tỉnh Lâm Đồng; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ 19, khu phố 3, phường M, thị xã B, tỉnh Bình Dương; tạm trú: Số 109/7A, khu phố C, phường T, thị xã D, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; con ông Phạm P (đã chết) và con bà Đặng Thị N, sinh năm 1957; có chồng tên Trần Tấn P, sinh năm 1990 và có 01 con sinh năm 2010; tiền sự, tiền án: Không có.

Nhân thân: Ngày 19/11/2013, bị Tòa án nhân dân quận Đ, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 6 (sáu) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, theo Bản án số 293/2013/HS-ST, ngày 24/01/2014 chấp hành xong hình phạt tù.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 21/11/2018 đến 30/11/2018 được hủy bỏ biện pháp tạm giữ bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

Ngoài ra, trong vụ án còn có bị hại và 03 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan do không có kháng cáo, không bị kháng nghị nên Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 07 giờ 30 phút, ngày 19/11/2018, bị cáo Phạm Đăng Dạ T điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Attila màu đỏ, biển số 49N1-065.42 đến chỗ bán quần áo trên vỉa hè đường C, khu phố E, phường D, thị xã D, tỉnh Bình Dương mua quần áo, sau đó Phạm Đăng Dạ T quay xe ra về gặp 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Lead, biển số 61D1-159.95 của bà Hoàng Thị T đang dựng không có người trông giữ gần chỗ bán quần áo, xe vẫn để chìa khóa điện, Phạm Đăng Dạ T tiếp cận xe mô tô bà Hoàng Thị T ấn nút mở khóa cốp xe, lấy một túi xách màu đen bên trong có số tiền 15.000.000 đồng, 01 dây chuyền vàng 18 kara trọng lượng 06 chỉ, 01 dây chuyền vàng 24 kara trọng lượng 3 chỉ, 01 mặt dây chuyền hình hoa mai vàng 24 kara trọng lượng 2 chỉ, 01 mặt dây chuyền hình quan âm bồ tát vàng 24 kara trọng lượng 01 chỉ, 01 đôi bông tai bằng vàng 24 kara trọng lượng 2 chỉ, 02 nhẫn vàng trơn 24 kara trọng lượng 01 chỉ /chiếc, 07 thẻ bảo hiểm y tế, 02 thẻ học sinh, 02 chứng minh nhân dân, 02 căn cước công dân, 02 giấy phép lái xe, 02 giấy chứng nhận đăng ký xe, 01 thẻ ATM sau đó điều khiển xe của mình tẩu thoát. Đến 19 giờ 30 phút cùng ngày, Phạm Đăng Dạ T đem số vàng chiếm đoạt trên đến tiệm vàng H(địa chỉ: Số 356, đường Lê Hồng P, khu phố F, phường G, thị xã D, tỉnh Bình Dương) bán cho anh Đặng Văn X được số tiền 38.500.000 đồng. Phạm Đăng Dạ T mua lại 01 nhẫn vàng loại 9999 trọng lượng 10 chỉ với giá 35.000.000 đồng, anh Đặng Văn X đưa lại cho Phạm Đăng Dạ T số tiền 3.500.000 đồng. Bà Hoàng Thị T làm đơn trình báo Công an phường D đến ngày 21/11/2018, Phạm Đăng Dạ T đến Công an phường D đầu thú việc lấy tài sản của bà Hoàng Thị T.

Vật chứng thu giữ: 01 xe mô tô nhãn hiệu Attila màu đỏ biển số 49N1-065.42 số máy MVT5AD016672, số khung 12ED7D016672; số tiền 20.000.000 đồng, 01 nhẫn tròn bằng vàng 9999 trọng lượng 10 chỉ, 01 túi xách màu đen, 07 thẻ bảo hiểm y tế, 02 thẻ học sinh, 02 chứng minh nhân dân, 02 căn cước công dân, 02 giấy phép lái xe, 02 giấy chứng nhận đăng ký xe và 01 thẻ ATM.

Kết luận định giá tài sản số 346/BB.ĐG ngày 30/11/2018 của Hội đồng định giá thị xã D, tỉnh Bình Dương kết luận 01 dây chuyền bằng vàng 18 kara trọng lượng 6 chỉ có trị giá 12.600.000 đồng; 01 mặt dây chuyền bằng vàng 24 kara dạng bông mai có đính đá cẩm thạch màu xanh, trọng lượng 2 chỉ trị giá 6.600.000 đồng; 01 dây chuyền bằng vàng 24 kara trọng lượng 3 chỉ có trị giá 10.100.000 đồng; 01 mặt dây chuyền bằng vàng 24 kara dạng hình Phật quan âm trọng lượng 1 chỉ trị giá 3.300.000 đồng; 02 nhẫn tròn bằng vàng 24 kara trọng lượng 2 chỉ có trị giá 6.600.000 đồng; 01 đôi bông tai bằng vàng 24 kara trọng lượng 2 chỉ trị giá 6.600.000 đồng. Tổng tài sản bị cáo Phạm Đăng Dạ T chiếm đoạt gồm tiền, vàng của bà Hoàng Thị T trị giá 60.800.000 đồng.

Về xử lý vật chứng: Đã trả bị hại Hoàng Thị T 01 túi xách màu đen, 07 thẻ bảo hiểm y tế, 02 thẻ học sinh, 02 chứng minh nhân dân, 02 căn cước công dân, 02 giấy phép lái xe, 02 giấy chứng nhận đăng ký xe và 01 thẻ ATM;

15.000.000 đồng; 01 nhẫn vàng trọng lượng 10 chỉ vàng 9999 trị giá 35.000.000 đồng và trả bị cáo Phạm Đăng Dạ T 1.500.000 đồng.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Thủy đã được bồi thường và không yêu cầu bồi thường gì khác.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 132/2019/HS-ST ngày 16/5/2019 của Tòa án nhân dân thị xã D, tỉnh Bình Dương đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Phạm Đăng Dạ T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 173, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 54 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Phạm Đăng Dạ T 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án, khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 21/11/2018 đến ngày 30/11/2018.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, biện pháp tư pháp, án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 30/5/2019, bị cáo Phạm Đăng Dạ T kháng cáo xin hưởng án treo.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa trình bày quan điểm giải quyết vụ án: Về tố tụng, bị cáo kháng cáo trong thời gian quy định nên Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm để xem xét giải quyết kháng cáo của bị cáo là có cơ sở, đúng quy định của pháp luật. Về yêu cầu kháng cáo của bị cáo, sau khi xem xét hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên xử bị cáo Phạm Đăng Dạ T 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là tương xứng với tính chất, mức độ, hành vi của bị cáo. Bị cáo kháng cáo xin hưởng án treo nhưng bị cáo có nhân thân xấu về tội trộm cắp tài sản và tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo không cung cấp tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới theo quy định của pháp luật. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên quyết định của bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân thị xã D, tỉnh Bình Dương.

Tại phiên tòa, bị cáo Phạm Đăng Dạ T khai nhận hành vi phạm tội như nội dung bản án sơ thẩm và giữ nguyên yêu cầu kháng cáo xin hưởng án treo để có điều kiện chăm sóc con nhỏ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Khoảng 07 giờ 30 phút ngày 19/11/2018, tại đường C, khu phố E, thị xã D, tỉnh Bình Dương, lợi dụng sơ hở trong việc quản lý tài sản của bị hại Hoàng Thị Thủy, bị cáo Phạm Đăng Dạ T đã có hành vi lén lút mở cốp xe mô tô của bị hại Hoàng Thị T để chiếm đoạt 01 dây chuyền bằng vàng 18 kara trọng lượng 6 chỉ có trị giá 12.600.000 đồng; 01 mặt dây chuyền bằng vàng 24 kara

dạng bông mai có đính đá cẩm thạch màu xanh, trọng lượng 2 chỉ trị giá 6.600.000 đồng; 01 dây chuyền bằng vàng 24 kara trọng lượng 3 chỉ có trị giá 10.100.000 đồng; 01 mặt dây chuyền bằng vàng 24 kara dạng hình phật quan âm trọng lượng 1 chỉ trị giá 3.300.000 đồng; 02 nhẫn tròn bằng vàng 24 kara trọng lượng 2 chỉ có trị giá 6.600.000 đồng; 01 đôi bông tai bằng vàng 24 kara trọng lượng 2 chỉ trị giá 6.600.000 đồng và số tiền 15.000.000 đồng. Tổng tài sản bị cáo Phạm Đăng Dạ T chiếm đoạt gồm tiền, vàng của bà Hoàng Thị T có trị giá 60.800.000 đồng.

Tại Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) quy định:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

...

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:

...

c) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng.

...”.

Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo Phạm Đăng Dạ T về tội “*Trộm cắp tài sản*” và áp dụng tình tiết “*Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng*” với tình tiết định khung hình phạt đối với bị cáo theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có cơ sở, đúng người, đúng tội.

[2] Hành vi lén lút chiếm đoạt tiền, vàng của bị cáo Phạm Đăng Dạ T là hành vi nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của bị hại được pháp luật bảo vệ. Bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận biết hành vi trộm cắp tài sản là hành vi vi phạm pháp luật nhưng bị cáo vẫn phạm tội với lỗi cố ý, cho thấy bị cáo là người xem thường pháp luật. Về nhận thức, bị cáo Phạm Đăng Dạ T biết rõ hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của bị hại là hành vi trái pháp luật nhưng vì động cơ tham lam, tư lợi, lười lao động nhưng muốn có tiền để tiêu xài mà bị cáo bất chấp hậu quả vẫn thực hiện hành vi phạm tội.

[3] Đối với kháng cáo của bị cáo về việc xin hưởng án treo: Hội đồng xét xử xét thấy, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét đến nhân thân của bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) để xử phạt bị cáo mức hình phạt 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù là không nặng, tương xứng với hành

vi, mức độ phạm tội của bị cáo. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo kháng cáo xin hưởng án treo. Xét thấy bị cáo là người có nhân thân xấu, đã từng bị Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 06 (sáu) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo Bản án hình sự sơ thẩm số 293/2013/HS-ST ngày 19/11/2013, do đó bị cáo không đủ điều kiện được hưởng án treo theo quy định tại Điều 65 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và Điều 2 Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự về án treo. Đồng thời, tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo không cung cấp được tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nên Hội đồng xét xử không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm.

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương về việc giải quyết vụ án là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Các phần khác của quyết định án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[6] Án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Phạm Đăng Dạ T phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015;

1/ Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Phạm Đăng Dạ T; giữ nguyên quyết định của Bản án hình sự sơ thẩm số 132/2019/HS-ST ngày 16/5/2019 của Tòa án nhân dân thị xã D, tỉnh Bình Dương.

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54 của Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Phạm Đăng Dạ T 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án, được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 21/11/2018 đến ngày 30/11/2018.

2/ Về án phí hình sự phúc thẩm: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Phạm Đăng Dạ T phải nộp 200.000 đồng.

3/ Các phần khác của quyết định án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Dương;	1
- TAND thị xã D;	2
- VKSND thị xã D;	1
- Chi cục THADS thị xã D; ;	1
- Phòng PV06 - Công an tỉnh BD;	1
- Công an thị xã D;	1
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;	1
- Trại Tạm giam Công an tỉnh Bình Dương;	1
- Bị cáo;	1
- Lưu: Tổ HCTP, HSVA, Tòa HS.	3

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Huỳnh Đức